

PHỤ LỤC 04D: BIỂU PHÍ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ PVCOMBANK PREMIER (Áp dụng từ 06/01/2025)

STT	Danh mục các loại phí	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí
		Private/ PN1	Diamond	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Diamond EX.Platinum EX.Gold/ FA.Platinum FA.Gold/FA.PN2/FA.PN3			
1	Phát hành thẻ (áp dụng với Thẻ mới/Thẻ tái cấp)	Miễn phí						A
2	Phí phát hành thẻ nhanh (trong 2 ngày làm việc)							A
	- Thẻ Premier World	Miễn phí	300.000 VND			01 thẻ		
	- Thẻ Premier Platinum					01 thẻ		
3	Phí thường niên							A
3.1	Phí thường niên 02 năm đầu							A
	Thẻ chính							
	- Thẻ Premier World	Miễn phí			01 thẻ			
	- Thẻ Premier Platinum				01 thẻ			
	Thẻ phụ							
	- Thẻ Premier World	Miễn phí			01 thẻ			
	- Thẻ Premier Platinum				01 thẻ			
3.2	Phí thường niên năm thứ 3							A
	Thẻ chính							
	- Thẻ Premier World	Miễn phí		1.200.000 VND		01 thẻ		
	- Thẻ Premier Platinum			950.000 VND		01 thẻ		

STT	Danh mục các loại phí	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí
		Private/ PN1	Diamond	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Diamond EX.Platinum EX.Gold/ FA.Platinum FA.Gold/FA.PN2/FA.PN3			
	Thẻ phụ							
	- Thẻ Premier World	Miễn phí		650.000 VND		01 thẻ		
	450.000 VND			01 thẻ				
3.3	Phí thường niên các năm tiếp theo							
	- Thẻ chính							A
	- Thẻ Premier World	Miễn phí	1.200.000 VND		01 thẻ			
	- Thẻ Premier Platinum		950.000 VND		01 thẻ			
	- Thẻ phụ							
	- Thẻ Premier World	Miễn phí	650.000 VND		01 thẻ			
	- Thẻ Premier Platinum		450.000 VND		01 thẻ			
4	Phí phát hành lại thẻ (Giữ nguyên số thẻ, thay đổi hạng, mất cấp, thất lạc...)	200.000 VND				01 thẻ	VAT	A
5	Phí cấp lại PIN giấy	50.000 VND				01 lần	VAT	A
6	Phí thông báo thẻ mất cấp thất lạc	100.000 VND				01 lần	VAT	A
7	Phí tra soát khiếu nại (do khiếu nại sai)	80.000 VND				01 lần	VAT	A
8	Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch	80.000 VND				01 lần	VAT	A
9	Phí cấp bản sao sao kê	80.000 VND				01 lần	VAT	A
10	Phí xác nhận thông tin thẻ tín dụng theo yêu cầu (Xác nhận hạn mức tín dụng, thông tin khác)	100.000 VND				01 lần	VAT	A
11	Phí thay đổi hạn mức tín dụng	100.000 VND				01 lần		A
12	Phí thay đổi hình thức đảm bảo phát hành thẻ	100.000 VND				01 lần		A
13	Phí yêu cầu khác	100.000 VND				01 lần	VAT	A
14	Phí đóng thẻ (không áp dụng với thẻ tái cấp)						VAT	A
	Dưới 6 tháng							
	- Thẻ Premier World	Miễn phí	450.000 VND		01 lần			
	- Thẻ Premier Platinum				01 lần			

STT	Danh mục các loại phí	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí
		Private/ PN1	Diamond	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Diamond EX.Platinum EX.Gold/ FA.Platinum FA.Gold/FA.PN2/FA.PN3			
	Từ 6 tháng trở lên							
	- Thẻ Premier World	Miễn phí				01 lần		
	- Thẻ Premier Platinum					01 lần		
15	Phí sử dụng vượt hạn mức	100.000 VND				01 lần trong 01 kỳ sao kê		A
16	Phí phạt chậm thanh toán	4% số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 80.000 VND				Số tiền chậm thanh toán		A
17	Phí rút tiền mặt	4% số tiền rút, tối thiểu 50.000 VND				Số tiền giao dịch	VAT	A
18	Phí quản lý chi tiêu ngoại tệ (không áp dụng các giao dịch VND)	1.8% số tiền giao dịch đã quy đổi sang VND				Số tiền giao dịch	VAT	A
19	Số tiền thanh toán tối thiểu	Giá trị giao dịch trả góp đến hạn trong kỳ (nếu có) + 5% dư nợ cuối kỳ còn lại (không bao gồm dư nợ giao dịch trả góp) + Dư nợ vượt hạn mức (nếu có). Tối thiểu 100.000 VND				Kỳ sao kê		A
20	Phí chọn số thẻ theo yêu cầu (***)	500.000 VND				01 thẻ	VAT	A
21	Phí thông báo thẻ mất cấp thất lạc	Miễn phí						

Ghi chú:

1. Nguyên tắc xác định ưu đãi phí thường niên tại thời điểm phát hành thẻ tín dụng:

Ưu đãi phí thường niên được áp dụng theo phân hạng/phân nhóm trên T24 hoặc theo chính sách cấp tín dụng tại thời điểm xét cấp tín dụng. ĐVKD thực hiện kiểm tra thông tin phân hạng/phân nhóm khách hàng trên T24 hoặc chính sách cấp tín dụng tại thời điểm đề xuất cấp tín dụng để lựa chọn ưu đãi phí cao nhất dành cho khách hàng và cập nhật tại tờ trình đề xuất cấp tín dụng của PVcomBank ban hành trong từng thời kỳ.

Ưu đãi phí thường niên không áp dụng cộng gộp. Trường hợp KH có nhiều thẻ, các thẻ của khách hàng đều được áp dụng ưu đãi theo chính sách ưu đãi phí cao nhất mà khách hàng được hưởng.

2. Nguyên tắc điều chỉnh ưu đãi phí thường niên:

- Phí thường niên các năm tiếp theo của khách hàng được xem xét điều chỉnh (tăng/giảm ưu đãi) định kỳ hàng năm (trước 01 tháng kể từ thời điểm thu phí thường niên/từng thẻ) và được điều chỉnh dựa trên phân hạng/phân nhóm khách hàng trên hệ thống T24. Tại thời điểm xét điều chỉnh, KH thuộc đồng thời nhiều phân hạng/phân nhóm KH thì chính sách ưu đãi phí thường niên của Khách hàng được áp dụng theo nhóm ưu đãi cao nhất (không cộng gộp ưu đãi phí thường niên của các nhóm).
- + Nếu phân hạng/phân nhóm của KH tăng thì ưu đãi phí thường niên của KH được điều chỉnh tăng theo ưu đãi hiện tại của phân hạng/phân nhóm KH.
- + Nếu phân hạng/phân nhóm của KH giảm thì ưu đãi phí thường niên của KH được điều chỉnh giảm theo phân hạng/phân nhóm KH.
- + Nếu phân hạng/phân nhóm của KH không thay đổi thì chính sách phí thường niên của KH sẽ giữ nguyên theo dự kiến.

Tổng số năm KH được hưởng ưu đãi phí thường niên theo phân hạng/phân nhóm tại thời điểm điều chỉnh được tính từ thời điểm KH phát hành thẻ.

Cách thức tính như sau: Năm tiếp theo khách hàng được hưởng ưu đãi phí thường niên (A) được tính bằng hiệu của tổng số năm KH được ưu đãi phí thường niên theo phân hạng/phân nhóm hiện tại (B) và số kỳ thu phí thường niên đã sử dụng thẻ tín dụng của khách hàng (C) cụ thể cách xác định như sau: $A=B-C$.

Khi $A > 0$: miễn phí thường niên năm tiếp theo

Khi $A \leq 0$: Thu phí thường niên năm tiếp theo

Trường hợp KH tái cấp hạn mức thẻ tín dụng: Chính sách phí thường niên của KH được đánh giá lại và áp dụng theo phân hạng/phân nhóm tương ứng của KH trên T24 tại thời điểm tái cấp hạn mức thẻ hoặc KH được xét các điều kiện hoàn phí thường niên khi đủ điều kiện chi tiêu theo quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ.

3. Nguyên tắc và điều kiện hoàn phí thường niên

3.1 Nguyên tắc hoàn phí thường niên các năm tiếp theo:

- Đối tượng áp dụng: KH phát sinh phí thường niên năm tiếp theo.
- Điều kiện hoàn phí: Khách hàng đang sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank Premier và tổng giá trị giao dịch trong năm liền kề trước đó đạt mức tối thiểu: Thẻ chính hạng Platinum đạt từ 50 triệu đồng/thẻ; Thẻ phụ hạng Platinum đạt từ 15 triệu đồng/thẻ; Thẻ chính World đạt từ 70 triệu đồng/thẻ; Thẻ phụ World đạt từ 30 triệu đồng/thẻ.

Giá trị chi tiêu được tính trên từng thẻ của khách hàng. Khách hàng chỉ được xét điều kiện hoàn phí thường niên tại năm phát sinh phí thường niên.

3.2 Nguyên tắc chung:

- Doanh số chi tiêu hợp lệ được tính trên từng thẻ bao gồm tổng tất cả giao dịch rút tiền, chi tiêu của thẻ hợp lệ và được ghi nhận thành công trên hệ thống của PVcomBank trong kỳ xét hoàn phí. Các giao dịch loại trừ là các giao dịch thanh toán các kỳ sao kê, các khoản phí theo quy định của ngân hàng hoặc các khoản trả góp định kỳ, giao dịch hoàn tiền theo chương trình (nếu có), các giao dịch bị cấm theo quy định của pháp luật hiện hành: (đánh bạc ...), nạp tiền từ thẻ tín dụng vào các ví điện tử hoặc các giao dịch do PVcomBank đánh giá thuộc các giao dịch gian lận, giao dịch không mua hàng hóa dịch vụ ...
- Tại kỳ xét hoàn phí, thẻ của KH phải ở trạng thái hoạt động (Valid card, Temporary Blocked by Client và khóa thẻ do Giấy tờ tùy thân hết hạn/hết hiệu lực sử dụng).

Lưu ý: Với trường hợp khách hàng chuyển đổi hạng thẻ: phí thường niên của thẻ chuyển đổi lên theo mức phí nào thì điều kiện xét hoàn phí tính theo mốc hoàn phí của mức phí thường niên đó.

4. PVcomBank không hoàn lại phí cho Khách hàng trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của PVcomBank gây ra.

5. Các chi phí phát sinh như phí chuyển phát và các chi phí khác do Ngân hàng khác thu sẽ được PVcomBank thông báo và thu theo thực tế phát sinh.

6. Các phí có ghi chú ở cột VAT là "VAT" trong biểu phí này đã bao gồm thuế GTGT.

7. Các phí không ghi chú ở cột VAT trong biểu phí này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định của cơ quan thuế.

(*) Phí chọn số thẻ theo yêu cầu không bao gồm Phí chọn số thẻ đẹp. Quy định Số thẻ đẹp được PVcomBank ban hành theo từng thời kỳ.**